

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG
THÔN
Số: 59/2008/QĐ-BNN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 9 tháng 5 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành "Danh mục bổ sung phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam"

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 3 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 113/2003/NĐ-CP ngày 07/10/2003 và Nghị định số 191/2007/NĐ-CP ngày 31/12/2007 của Chính phủ về quản lý sản xuất, kinh doanh phân bón;

Căn cứ Nghị định số 179/2004/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ Quy định quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm hàng hoá;

Căn cứ Quyết định số 36/2007/QĐ-BNN ngày 24/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy định sản xuất, kinh doanh và sử dụng phân bón;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Trồng trọt,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục bổ sung phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam bao gồm 265 loại, được chia thành:

- Phân khoáng đơn 09 loại;
- Phân trung vi lượng 13 loại;
- Phân hữu cơ 02 loại;

4. Phân hữu cơ vi sinh 16 loại;
5. Phân hữu cơ khoáng 44 loại;
6. Phân hữu cơ sinh học 17 loại;
7. Phân vi sinh vật 03 loại;
8. Phân bón lá 161 loại;

Điều 2. Tổ chức, cá nhân có đủ các điều kiện quy định tại Điều 5 của Nghị định số 113/2003/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về quản lý sản xuất, kinh doanh phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng các loại phân bón tại Danh mục bổ sung này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau mười lăm ngày kể từ ngày đăng Công báo. Loại khỏi Danh mục phân bón được phép sản xuất kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam đối với các loại phân bón dưới đây kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực:

1. Các loại phân bón tại Quyết định số 40/2004/QĐ-BNN ngày 19/8/2004 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT về việc Công bố Danh mục phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam:

- a) Phân vi sinh: Số thứ tự 1 trang 20;
- b) Phân hữu cơ sinh học: Số thứ tự 5 trang 22; Số thứ tự 41, 42, 43 trang 24;
- c) Phân bón lá: Số thứ tự 264, 269 trang 50, 51; Số thứ tự 332, 335, 336, 337, 345, 346, 347 trang 55, 56, 57;

2. Các loại phân bón tại Quyết định số 77/2005/QĐ-BNN ngày 23/11/2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT về việc Ban hành Danh mục phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam:

- a) Phân khoáng: Số thứ tự 16, 21, 22, 23, 27, 30, 32, 33 trang 2, 3;
- b) Phân hữu cơ khoáng: Số thứ tự 39 trang 18; Số thứ tự 92, 93, 94, 95, 104 trang 22;
- c) Phân hữu cơ vi sinh: Số thứ tự 14, 15, 16 trang 28;
- d) Phân vi sinh vật: Số thứ tự 10, 11 trang 30;
- đ) Phân bón lá: Số thứ tự 98 trang 38; Số thứ tự 112, 113 trang 40; Số thứ tự 314, 315, 316, 317 trang 54; Số thứ tự 325, 326 trang 55;